

Bản án số: 24/2020/DS-ST
Ngày: 24-6-2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

2. Bà Nguyễn Ngọc Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 04 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán (vật tư đựng mũ cao su)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lý Ngọc C, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp Q, xã E, huyện R, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp Q, xã E, huyện R, tỉnh Bình Dương.

Anh C và chị T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng anh Lý Ngọc C trình bày: Do chỗ quen biết nhau, vào ngày 02/02/2020 anh có mua lại 01 phần lô cao su thanh lý (là 750 cây) của chị T với số tiền 15.200.000 (mười lăm triệu hai trăm nghìn) đồng/02 tháng và tiền chén đựng mũ 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng. Tổng cộng 02 khoản là 16.500.000 (mười sáu triệu năm trăm nghìn) đồng, hai bên có làm hợp đồng với nhau và đã giao đủ tiền, thời gian mua bán từ ngày 02/02/2020

đến ngày 02/04/2020 sẽ kết thúc hợp đồng, thời hạn theo hợp đồng 02 bên đã giao kết chưa mãn nhưng chị T đã vi phạm hợp đồng, gí phần lô cao su chị T bán cho anh đã được chị L lấy lại để thanh lý cưa cây bán gỗ, chị L nói bán phần lô cao su cho chị T 02 tháng, từ ngày 10/01/2020 đến ngày 10/03/2020, chị T ký kết hợp đồng với chị L đến tháng 03/2020 hết hạn mà còn bán lại cho anh đến tháng 04/2020, như vậy chị T đã vi phạm hợp đồng với anh nên ngày 05/3/2020 chị T có trả lại cho anh 28 ngày hợp đồng chưa mãn với số tiền 7.600.000 (bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng, tiền chén đựng mũ 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng chị T chưa trả lại cho anh. Nay anh yêu cầu chị T trả lại cho anh 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thủy T trình bày: Chị xác nhận lời trình bày của anh C về thời gian ký kết trong hợp đồng mua bán là đúng, chị có mua phần lô cao su của chị L và bán lại cho anh C với số tiền 15.200.000 (mười lăm triệu hai trăm nghìn) đồng/02 tháng và tiền chén đựng mũ 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng. Tổng cộng 02 khoản là 16.500.000 (mười sáu triệu năm trăm nghìn) đồng, giữa chị và anh C có lập hợp đồng với nhau và được ký kết từ ngày 02/02/2020 đến ngày 02/04/2020 là mãn hợp đồng, chưa hết thời hạn theo hợp đồng giữa chị và anh C nhưng chị L đã thanh lý cây nên chị mới vi phạm hợp đồng với anh C và có trả lại cho anh C 28 ngày còn lại theo hợp đồng với số tiền 7.600.000 (bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng, đối với chén đựng mũ chị không đồng ý trả lại tiền, gí chị đã bán cho anh C xong.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh C và chị T. Chị Nguyễn Thị Thủy T có nghĩa vụ trả cho anh Lý Ngọc C số tiền 1.182.525 (một triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm hai mươi lăm) đồng. Ghi nhận anh C không yêu cầu tính lãi suất và rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với chị T về số tiền 117.475 (một trăm mười bảy nghìn bốn trăm bảy lăm) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh C khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán với chị T, hiện chị T có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại ấp Q, xã E, huyện R, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Anh C yêu cầu chị T trả lại số tiền 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngược lại chị T không đồng ý và cho rằng không nợ anh C.

Xét yêu cầu của anh C thì thấy: Anh C đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là hợp đồng mua bán da cạo lập ngày 02/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án chị T thừa nhận tại hợp đồng mua bán da cạo trên là do chính chị viết và thừa nhận số tiền chén đựng mũ cao su là 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng còn tranh chấp và có yêu cầu anh C đem chén đến nhà sẽ trả lại tiền. Do đó yêu cầu của anh C là có căn cứ.

Xét lời trình bày của chị T, trong quá trình giải quyết vụ án chị cho rằng không còn nợ anh C, số chén đựng mũ cao su chị đã bán cho anh C xong nên không đồng ý trả lại tiền cho anh C và chị có yêu cầu anh C đem chén đến nhà chị trả lại tiền nhưng số chén trên chị đã lấy bán lại cho chị L và đã nhận tiền của chị L có làm giấy tay giao nhận tiền vào ngày 05/03/2020, việc chị không thừa nhận còn nợ nhưng chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Nhưng tại phiên tòa chị đồng ý trả cho anh C số tiền 1.182.525 (một triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm hai mươi lăm) đồng và anh C cũng đồng ý theo ý kiến của chị T, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh C và chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận anh C rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với chị T về số tiền 117.475 (một trăm mười bảy nghìn bốn trăm bảy lăm) đồng.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chi án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 217, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Ngọc C đối với chị Nguyễn Thị Thủy T về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán (vật tư đựng mũ cao su)”.

Buộc chị Nguyễn Thị Thủy T phải trả cho anh Lý Ngọc C số tiền 1.182.525 (một triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm hai mươi lăm) đồng. Ghi nhận anh C không yêu cầu tính lãi suất.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Lý Ngọc C đối với chị Nguyễn Thị Thủy T về số tiền 117.475 (một trăm mười bảy nghìn bốn trăm bảy lăm) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T phải chịu 59.126 (năm mươi chín nghìn một trăm hai mươi sáu) đồng án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả lại cho anh C 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0032607 ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

Kể từ ngày người được thi hành án anh C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chị T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án chị T còn phải trả cho người được thi hành án anh C số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Quãng